

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA VIỄN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ - ST

Ngày 15/9/2023.

V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Xuân Ninh, ông Đinh Công Hiến.

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Viễn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 50/2023/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST- HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Hương N**, sinh năm 1991.

Bị đơn: Anh **Tạ Duy H**, sinh năm 1984.

Đều có nơi cư trú tại: **thôn V, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.**

Chị **N** có mặt tại phiên tòa (anh **H** vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2023 và bản tự khai, nguyên đơn chị **Trần Thị Hương N** trình bày: chị và anh **Tạ Duy H** được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã G, huyện G** vào ngày 20/10/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau tại **thôn V, xã G, huyện G**. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh **H** chơi bời, không tu chí làm ăn, không chăm lo tới gia đình. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh **H** vẫn không thay đổi, nhiều năm mọi công việc, kinh tế trong gia đình đều do một mình chị đứng ra gánh vác, anh **H** ngày càng chơi bời hơn khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng.

Đến khoảng tháng 8/2022, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã G, huyện G để sinh sống nhưng vẫn đi lại để chăm sóc các con. Sau đó hai bên gia đình đã khuyên bảo nên chị lại quay về chung sống với anh H. Tuy nhiên anh H vẫn không thay đổi lối sống của mình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát với nhau thậm chí anh H còn đánh và đuổi chị ra khỏi nhà nên chị phải quay về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống từ tháng 4/2023 cho đến nay. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh H đã thật sự trầm trọng không thể khắc phục được nữa, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn với anh Tà Duy H.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung tên là Tạ Quỳnh C, sinh ngày 06/10/2014 và Tà Duy K, sinh ngày 04/6/2017. Trong đơn khởi kiện cũng như bản tự khai ngày 05/6/2023, chị N xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Tại bản tự khai bổ sung ngày 21/8/2023, chị N đề nghị khi ly hôn nguyện vọng của chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh C còn anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản và công nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và đã nhiều lần tổng đạt trực tiếp các loại văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh H vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản làm việc ngày 14/7/2023, bố mẹ đẻ anh Tà Duy H là ông Tạ Hồng K1 và bà Đào Thị T cho biết: anh Tà Duy H và chị Trần Thị H1 Ngà có đăng ký kết hôn với nhau hợp pháp tại UBND xã G, huyện G vào ngày 23/10/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng anh H, chị N có đăng ký hộ khẩu thường trú và chung sống với gia đình ông, bà tại thôn V, xã G, huyện G. Vợ chồng anh H, chị N chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh, H thường xuyên chơi bời, cờ bạc nên giữa hai vợ chồng có xảy ra cãi chửi nhau nên chị N đã đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ tại xã G, huyện G để sinh sống. Sau đó anh H có đến xin lỗi, cam đoan không chơi bời nữa nên chị N đã tha thứ và đưa hai con về chung sống với anh H. Sống với nhau được 1 thời gian thì chị N nghi ngờ anh H chơi bời nên giữa hai vợ chồng xảy ra to tiếng với nhau và anh H đã đuổi chị N đi nên chị N lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ khoảng tháng 3/2023 cho đến nay. Ông K1, bà T khẳng định giữa anh H và chị N có mâu thuẫn với nhau nhưng mong muốn cả hai quay về đoàn tụ. Còn việc ly hôn hay không do anh H, chị N tự quyết định, đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật để giải quyết vụ án.

Về điều kiện nuôi con: Vợ chồng anh H, chị N có hai con chung là cháu Tạ Quỳnh C, sinh ngày 06/10/2014 và Tà Duy K, sinh ngày 04/6/2017. Từ khi chị N bỏ

đi cho đến nay, cả hai cháu do anh **H** và vợ chồng ông bà chăm sóc. Nếu anh **H**, chị **N** ly hôn với nhau, việc chăm sóc các con đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các cháu.

Tại phiên toà, bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: xử cho chị **Trần Thị H1** Ngà được ly hôn với anh **Tạ Duy H**; về con chung đề nghị giao cháu **Tạ Quỳnh C** cho chị **N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cháu **Tạ Quỳnh C** đủ 18 tuổi. Giao cháu **Tạ Duy K** cho anh **Tạ Duy H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu **K** đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung; về án phí: chị **Trần Thị H1** Ngà phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **N** đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh **Tạ Duy H** có địa chỉ tại **thôn V, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình**. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do chính đáng dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa chị **Trần Thị H1 N** và anh **Tạ Duy H** là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn hai người chung sống với nhau tại **thôn V, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình**. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh **H** thường xuyên chơi bời, cờ bạc, không tu chí làm ăn chăm lo đời sống gia đình khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau. Đến năm 3/2023 chị **N** đã về nhà bố mẹ đẻ tại **xã G, huyện G** (không đăng ký tạm trú) để sinh sống và vợ chồng sống ly thân

từ đó tới nay không còn quan tâm, quan hệ gì với nhau nữa. Chị **N** khẳng định hiện nay mâu thuẫn vợ chồng chị đã đến mức thật sự trầm trọng không khắc phục được, chị không còn yêu thương anh **H** nữa. Bản thân anh **H** không có mặt tại Tòa án để làm việc, trong khi anh **H** vẫn đang sinh sống tại **thôn V, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình**, dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều đó chứng tỏ anh **H** không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **Trần Thị H1 N** và anh **Tạ Duy H** đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị **N**. Xử cho chị **Trần Thị H1** Ngà được ly hôn với anh **Tạ Duy H** là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: chị **Trần Thị H1 N** và anh **Tạ Duy H** có hai con chung tên là **Tạ Quỳnh C**, sinh ngày 06/10/2014 và **Tạ Duy K**, sinh ngày 04/6/2017. Xét thấy hiện nay cả chị **N** và anh **H** đều khỏe mạnh, không ai vi phạm nghĩa vụ làm cha, mẹ. Cháu **C** có nguyện vọng muốn được ở với chị **N** khi bố mẹ ly hôn. Do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu **C** và **K** nên cần giao cháu **Tạ Quỳnh C** cho chị **N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bắt đầu từ tháng 9/2023 cho đến khi cháu **Tạ Quỳnh C** đủ 18 tuổi. Giao cháu **Tạ Duy K** cho anh **Tạ Duy H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu **K** đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

[4] Về tài sản và công nợ chung: chị **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: Chị **Trần Thị H1** Ngà phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thị H1** Ngà xin ly hôn với anh **Tạ Duy H**.

1/1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị **Trần Thị H1** Ngà được ly hôn với anh **Tạ Duy H**.

2/2. Về con chung: giao cháu **Tạ Quỳnh C**, sinh ngày 06/10/2014 cho chị **Trần Thị H1** Ngà trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bắt đầu từ tháng 9/2023 cho đến khi cháu **Tạ Quỳnh C** đủ 18 tuổi. Giao cháu **Tạ Duy K**, sinh ngày 04/6/2017 cho anh **Tạ Duy H** tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu **K** đủ 18 tuổi, hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau và không được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3/3. Về án phí: chị **Trần Thị H1** Ngà phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **N** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện Gia Viễn theo biên lai số AA/2021/0004166, ngày 18 tháng 5 năm 2023.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Ninh Bình;
- VKS huyện Gia Viễn;
- Chi cục THADS Gia Viễn;
- UBND xã Gia Phương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Xuân Tường